

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/09/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+PPD	7:25	14+8	0+0		9+13	0+0	
2		AMD+TD1+P4	7:25	9+13+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
3		DD8+TTCl+AMD	7:25	7+0+15	0+0+0		3+4+15	0+0+0	
4		CTK3+BK9+CLO	7:25	11+7+4	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
5		CNV+P8+CTK3	9:25	6+1+15	0+0+0		6+1+15	0+0+0	
6		P3+PPD+DD8	9:25	5+12+5	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
7		AMD+TD5+VSP02	9:25	10+5+7	0+0+0		5+7+10	0+0+0	
8		VSP02	9:25	22	0		22	0	

TTPĐSX

Ghi Chú : 1/КОМИССИЯ 2 ЧЕЛ. ПЕРЕЛЕТ НА ЦТК3 ТУДА И ОБРАТНО В ДЕНЬ. 2/ 1 NGƯỜI PVD2 VỀ BỜ QUA PPD



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2017	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MALTSEV V.V.	CTK3				5	97	KH-THAC	Russian
2	BONDARENKO V.A.	CTK3					96	KH-THAC	Russian
3	PHẠM ĐẠI PHÔNG	CTK3	97-98	2	14		70	YTE	Vietnamese
4	PHUNG MINH HAI	CTK3	96	1	12		74	HVJOC	Vietnamese
5	HỒ ANH QUỐC	CTK3	38	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THE DIEN	CTK3	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	39	1	3	20	85	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TIEN DUNG	CTK3	43	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN TRUNG HIEU	CTK3	37	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG VAN MANH	CTK3	42	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	99	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC HUNG	CTK3	44	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN BAC	CTK3					54	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MẠNH HUNG	PPD	05	1	10	18	78	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ XUÂN MINH	PPD	02	1	4	67	75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH THANG	PPD	03	1	5	118	50	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VAN THANG*	PPD	04	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TRUNG*	PPD					71	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ SỸ KHOA	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DANH TUAN	PPD	01	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUY HOANG	PPD					85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	12	75	1.001	25	9		
2	PPD	8	5	29	567	203	13		
TOTAL		22	17	104	1.568	228	22		
WEIGHT KG				104	1.568	228			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2017	TO: DD8 - TTC1 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LBinh - Luy - Vũ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN THOẠI	DD8	87-88	2	17		68	YTE	Vietnamese
2	TRAN TUAN ANH	DD8	86	1	10		86	BTSL	Vietnamese
3	TRUONG DINH VINH	DD8	89	1	9		75	DIAVATLY	Vietnamese
4	MESHKOV M.Y	DD8	92	1	10	60	77	DIAVATLY	Russian
5	VU VAN TRUNG	DD8	90-91	2	8		72	DIAVATLY	Vietnamese
6	LE DUC CUONG	DD8	93	1	8		54	PSV	Vietnamese
7	IAKIMIDI R.	DD8	85	1	10		86	KH-THAC	Russian
8	VÔ TRUNG HIỆU	AMD	61	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	62	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUU CUONG	AMD	69	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC NHÀ	AMD	67	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HUU ĐANG	AMD	66	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
13	LE QUANG VIỆT	AMD	63	1	5	30	74	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ PHONG VIÊN	AMD	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOAN TAN TRI	AMD	70	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN BA QUAN	AMD	64-65	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ QUANG THANG	AMD	60	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THE TRUYEN	AMD	71-72	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGHIEM VU	AMD	73-74	2	14		78	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI XUAN TRU	AMD	75-76	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI QUANG ANH	AMD	58	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TUAN VU	AMD	59	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD8	7	9	72	518	60	3		
2	TTC1	0	0	0	0	0	4		
3	AMD	15	19	121	1.069	30	15		
TOTAL		22	28	193	1.587	90	22		
WEIGHT KG				193	1.587	90			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01-Sep-17	TO: AMD - TD1 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hồi - MTHAO - Năm -	ETA: 09:15
cam-1		Trương	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VU THANG	AMD	42-43	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH DUY	AMD	36	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN LÊ HOA	AMD	34	1	4	80	60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HIỆU THAO	AMD	41	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH TÂM	AMD	38	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	39-40	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ QUANG HUÂN	AMD	37	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN PHANG	AMD	33	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	35	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	KIRICHENKO K.P	TD1	07	1	4		78	KHOAN	Russian
11	NGUYEN VAN DUNG	TD1	24	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	BUI SONG TOAN	TD1	10	1	7	50	80	NHA THAU	Vietnamese
13	HOANG VAN MINH	TD1	05	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM THE TAM	TD1	11-12	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1	01	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THIỆU	TD1	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	04	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	06	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN ĐĂNG KHOA	TD1	09	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN DUY HIỆN	TD1	08	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN DUY HÙNG	TD1	02	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
22	ĐINH KHẮC THẠCH	TD1					60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	11	68	583	80	0		
2	TD1	13	13	65	919	50	20		
3	P4	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	24	133	1.502	130	22		
WEIGHT KG				133	1.502	130			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01-Sep-17	TO: CTK3 - BK9 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Vận - V THU - THU	ETA: 09:35
trang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	02	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	06	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN THIÊM	CTK3	04	1	3	20	60	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ NGỌC DƯƠNG	CTK3	70	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC HẢI	CTK3	03	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VIỆT HÙNG	CTK3	01	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VU QUANG HAI	CTK3	09	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	LUU VAN SON	BK9					80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	20	1	4	92	70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG CÔNG DANH	BK9	19	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
12	BUI ĐỨC KHANH	BK9	21	1	5		58	PSV	Vietnamese
13	HOANG VAN HUNG	CLO	75	1	5	20	70	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRẦN NAM	CLO	74	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
15	LÀ VIỆT HÙNG	CLO	73	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ NGỌC HOANG	CLO	71	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẬU VĂN MINH	CLO	70	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	69	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN HỮU SƠN	CLO	68	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN ĐÌNH HẢI	CLO	72	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH THỜI	CLO					70	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN KIM HÙNG	CLO	67	1	10		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	8	34	554	20	6		
2	BK9	4	3	19	288	92	5		
3	CLO	10	9	51	700	20	11		
TOTAL		22	20	104	1.542	132	22		
WEIGHT KG				104	1.542	132			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01-Sep-17	TO: CNV - P8 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - TTrung - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH HÙNG	CNV	50	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO THE HÙNG	CNV	61-62	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	33	1	10	40	72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC TRI	CNV	59	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG ĐÌNH VINH	CNV	60	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN NANG	CNV	32	1	5		67	PSV	Vietnamese
7	ĐẠO ANH HUYNH	P8	10	1	10	20	70	DIAVATLY	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CTK3	10	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	11	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	13	1	15		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LUÔNG TUẤN ANH	CTK3	16	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	14	1	7	110	75	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ QUY HOÀNG	CTK3	17	1	5	20	63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	18	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM MINH DŨNG	CTK3	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG PHU	CTK3	20	1	5		67	CODIEN	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN THANH	CTK3	21	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
20	DƯƠNG HỮU THUẬN	CTK3	22	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẶNG TUẤN ANH	CTK3	19	1	5		90	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	6	7	49	423	40	6		
2	P8	1	1	10	70	20	1		
3	CTK3	14	13	84	1.003	130	15		
TOTAL		21	21	143	1.496	190	22		
WEIGHT KG				143	1.496	190			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/09/2017	TO: P3 - PPD - DD8	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - Năm -	ETA: 11:15
CAM-2		Trưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC VIỆT	P3	23-24	2	17	29	104	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG VIỆT	P3	26	1	12	45	81	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN HỒNG THANH	P3	25	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THỤ	P3	28	1	5		69	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN LINH	P3	27	1	7		78	NIPI	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NAM	PPD	24	1	9	25	67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	19-20	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NHẬT QUANG	PPD	28	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	26	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN VINH	PPD	27	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	17	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	21	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ QUANG HUY	PPD	18	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	32	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CÚ	PPD	25	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	23	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC HOANG	PPD	22	1	5	72	67	KHI	Vietnamese
18	LÊ ANH TUẤN	DD8	43	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG VĂN HAI	DD8	46	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT LONG	DD8	44	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC NINH	DD8	45	1	4		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	6	51	403	74	0		
2	PPD	12	13	64	833	97	9		
3	DD8	4	4	18	309	0	13		
TOTAL		21	23	133	1.545	171	22		
WEIGHT KG				133	1.545	171			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/09/2017	TO: VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Vận - VTHU - THỤ	ETA: 11:35
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN LE MINH TUAN	VSP02	51	1	3		92	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	93	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	92	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN LUONG HA	VSP02	89	1	7	70	62	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN SAU	VSP02	91	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUY THÔNG	VSP02	50	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUY PHUC	VSP02	80	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN GIA KHÁNH	VSP02	88	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	85	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN ĐÔNG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN HIỆP	VSP02	47	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP02	86	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BINH	VSP02	53	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ DUY HOÀN	VSP02	33	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MINH DAN	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUỐC CHIẾN	VSP02	87	1	3	20	77	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG QUANG TUYEN	VSP02	49	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	34	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM HUU DAT	VSP02	48	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THE VINH	VSP02	52	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN GIA LONG	VSP02	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	90	1	10		79	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	20	101	1.570	70	22		
	TOTAL	22	20	101	1.570	70	22		
	WEIGHT KG			101	1.570	70 +20			

GRAND TOAL: 1.741 KGS + 20 kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01-Sep-17	TO: AMD - TD5 - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LBình - Luy - Vũ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUYNH MINH LUAN	AMD	79	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM QUOC TOAN	AMD	82	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN SANG	AMD	81	1	8		54	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THUAN PHONG	AMD	80	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO VAN TU	AMD	83-84	2	16		78	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN PHUONG ĐONG	AMD	86-87	2	12	55	70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG THE MANH	AMD	88	1	5	45	62	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TUAN ANH	AMD	85	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN THIEN THUY	AMD	93	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG QUOC THANG	TD5	01	1	13		83	DIAVATLY	Vietnamese
11	TRAN VAN THU	TD5	05	1	15		52	DIAVATLY	Vietnamese
12	LE VAN BAO	TD5	03-04	2	19		62	DIAVATLY	Vietnamese
13	VU VAN NAM	TD5	02	1	11	63	65	DIAVATLY	Vietnamese
14	ĐO HOAI THANH	TD5	06	1	8		79	DIAVATLY	Vietnamese
15	EDUARD YANDYAN	VSP02	95	1	13		95	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	91	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN HIEP	VSP02	89	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	GEFMAN M R	VSP02	94	1	15		101	KH-THAC	Russian
19	TRAN VAN BAC	VSP02	96	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN MINH TUAN THINH	VSP02	90	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG MANH THANG	VSP02	93	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG BA DIEU	VSP02	92	1	4		60	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	11	75	585	100	5		
2	TD5	5	6	66	341	63	7		
3	VSP02	8	8	55	625	0	10		
TOTAL		22	25	196	1.551	163	22		
WEIGHT KG				196	1.551	163			

GRAND TOAL: 1.910 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/09/2017

STT	NOMBAY	Dường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+RP2+RP3	7:25	18+0+4	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
2		TD2+KCDM+RP1	7:25	20+2+0	0+0+0		10+0+12	0+0+0	
3		PG+10+RP2	9:25	0+18+0	0+0+0		1+14+7	0+0+0	
4		TD1+DD8+TD2	9:25	12+2+5	0+0+0		11+0+11	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02-Sep-17	TO: TD1 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - PTUAN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN BAO	TD1	27	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
2	DINH VAN DIEN	TD1	28	1	9	6	70	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG TUAN ANH	TD1	25	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	VOROBIEV SERGEY	TD1	26	1	18		100	KHOAN	Russian
5	GROMOV S.A	RP2	38	1	10		85	KHOAN	Russian
6	PHAN MANH LINH	RP2	48	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
7	PHAM VAN LAM	RP2	36	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THAI DUONG	RP2	40	1	9		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN LOC	RP2	34	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN XUAN	RP2	39	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN BINH	RP2	41	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HOA	RP2	43	1	5	33	75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY LINH	RP2	45	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
14	NGHIEM DINH TUAN	RP2	33	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	VU VAN HOA	RP2	49	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM NAM HAI	RP2	47	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DUY KIEN	RP2	44	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TUAN LONG	RP2	46	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MINH HUNG	RP2	37	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
20	BUI TIEN DUNG	RP2	51	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
21	VO THANH NHAT	RP2	35	1	4		75	GETRACO	Vietnamese
22	DO NGOC DUYEN	RP2	42	1	15		73	DIA VLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	4	44	315	6	4		
2	RP2	18	18	125	1.237	33	13		
3	RP3	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	22	169	1.552	39	22		
WEIGHT KG				169	1.552	39			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN